

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1984

Nơi cư trú: tổ X, khu Y, phường B, tỉnh Quảng Ninh

2. Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1993

Nơi cư trú: tổ X, khu Y, phường B, tỉnh Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 đăng ký kết hôn ngày 06/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên). Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 xác nhận tình cảm không còn, đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

[3] Về tài sản chung: anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 không vay nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 thỏa thuận anh Trần Ngọc T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[6] Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ các vấn đề. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 22/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về tài sản chung: anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về nợ chung: anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị T1 không vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. Về lệ phí Tòa án: anh Trần Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000200 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã N, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 01 ngày 06/01/2021);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương